

Bản án số: 25/2024/LĐ-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở Bệnh viện Đa khoa thị xã C, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Kim Lý – Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-LĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp về hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-LĐ ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Kim C**, sinh năm: 1974; đăng ký thường trú: **Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1**; địa chỉ trụ sở: **Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương**.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Trần Ngọc Việt H**, sinh năm: 1991; chức vụ: Nhân viên nhân sự; đăng ký thường trú: **Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương**, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 24/7/2024) – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị Kim Á**, sinh năm: 1970; đăng ký thường trú: **Tổ F, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**; nơi ở hiện nay: **Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương** – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà **Đỗ Thị Kim C** trình bày:

Năm 2015, bà **C** có cho chị ruột là bà **Đỗ Thị Kim Á** mượn giấy chứng minh nhân dân để xin vào làm việc tại **Công ty TNHH H1**. Bà **Á** được **Công ty H2** ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội cho bà **Á** với tên **Đỗ Thị Kim C** tại **B** (nay là thành phố) **B**. Đến khoảng cuối năm 2023, bà **Á** nghỉ việc.

Bản thân bà **C** tham gia bảo hiểm tự nguyện tại **Bảo hiểm xã hội huyện T**, tỉnh Đồng Tháp từ năm 2017 cho đến nay.

Hiện nay bà **Á** có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội một lần thì **Công ty H2** báo cho bà **Á** biết căn cứ vào căn cước công dân số 087174008534 mang tên **Đỗ Thị Kim C** đã bị trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian từ tháng 03/2015 đến tháng 02/2023. Vì lí do trên, bà **Á** không thể thực hiện thủ tục hưởng bảo hiểm đối với khoản thời gian bà **Á** đã nộp bảo hiểm tại **B** (nay là thành phố) **B**.

Nay, bà **C** khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên huỷ hợp đồng lao động được ký kết giữa **Đỗ Thị Kim C** và **Công Ty TNHH H1** để điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội cho đúng người vì người lao động thực tế tại **Công ty H2** là **Đỗ Thị Kim Á**. Bà **C** không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

2. Bị đơn: Người đại diện hợp pháp của **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1** là bà **Trần Ngọc Việt H** trình bày tại bản tự khai như sau:

Công ty H2 có ký kết các hợp đồng lao động với bà **Đỗ Thị Kim C**, sinh năm: 1974; đăng ký thường trú: **Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Bà **C** làm việc tại Công ty từ năm 2015 đến năm 2023 thì nghỉ việc. Hiện Công ty còn lưu giữ được các hợp đồng lao động số: 252SE7/T3-2016/HĐLĐ-Haksan/004516 ngày ngày 24/3/2015 (thời hạn hợp đồng: 01 năm) và số: 084E7/T03-2017/HĐLĐ- Haksan/004516 ngày 24/3/2017 (hợp đồng không xác định thời hạn).

Nay **Công ty H2** được biết bà **Á** đã mượn giấy tờ tùy thân của bà **C** để ký hợp đồng với Công ty, người lao động tại Công ty tên thật là **Đỗ Thị Kim Á**, sinh năm: 1970; đăng ký thường trú: **Tổ F, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**.

Công ty H2 có tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động **Đỗ Thị Kim C** (tên thật là **Đỗ Thị Kim Á**).

Nay bà **Đỗ Thị Kim C** khởi kiện yêu cầu huỷ hợp đồng lao động với **Công ty H2** để điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội cho đúng người lao động thực tế làm việc tại Công ty là bà **Đỗ Thị Kim Á** thì **Công ty H2** đồng ý. Bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị Kim Á** trình bày tại bản tự khai như sau:

Do đã lớn tuổi, khó tìm việc làm nên năm 2015, bà **Đỗ Thị Kim Á** có mượn giấy chứng minh nhân dân của em ruột là **Đỗ Thị Kim C** để xin việc làm tại **Công ty H2**. Bà **Á** được nhận vào làm việc tại **Công ty H2** từ năm 2015 cho đến

năm 2023 với tên **Đỗ Thị Kim C**. Bà **Á** ký hợp đồng lao động với **Công ty H2** và đóng bảo hiểm xã hội với tên **Đỗ Thị Kim C**.

Trong thời gian đó, bà **Đỗ Thị Kim C** tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ở **Huyện T, tỉnh Đồng Tháp**.

Nay bà **Á** có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội thì không thực hiện được do trùng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 02/2023. Do đó, bà **Á** đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **C** và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

4. *Tại phiên tòa:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn **Đỗ Thị Kim C** yêu cầu hủy hợp đồng lao động giữa người lao động **Đỗ Thị Kim C** (tên thật **Đỗ Thị Kim Á**) với **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1** để điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội cho đúng người.

Bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động **Đỗ Thị Kim C** (tên thật **Đỗ Thị Kim Á**) và đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì thấy:

[3.1]. Về quan hệ lao động:

Nguyên đơn không còn lưu giữ các hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn **Công ty H2** còn lưu giữ được các hợp đồng lao động số: 252SE7/T3-2016/HĐLĐ- Haksan/004516 ngày ngày 24/3/2015 (thời hạn hợp đồng: 01 năm) và số: 084E7/T03-2017/HĐLĐ- Haksan/004516 ngày 24/3/2017 (hợp đồng không xác định thời hạn). Các hợp đồng khác Công ty không còn lưu

giữ. Tuy nhiên, Công ty thừa nhận có ký kết hợp đồng lao động với người có tên trên giấy chứng minh nhân dân là bà **Đỗ Thị Kim C** (thực tế tên thật là **Đỗ Thị Kim Á**) từ năm 2015 cho đến năm 2023. Sự thừa nhận của **Công ty H2** phù hợp với ý kiến của nguyên đơn **Đỗ Thị Kim C**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Đỗ Thị Kim Á**. Sự thừa nhận của các đương sự trong trường hợp này là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, có cơ sở xác định **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1** có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên **Đỗ Thị Kim C** (thực tế là bà **Đỗ Thị Kim Á**).

[3.2] Về việc tham gia bảo hiểm xã hội:

Bảo hiểm xã hội **thành phố B, tỉnh Bình Dương** cung cấp: Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động tên **Đỗ Thị Kim C**, sinh ngày 19/11/1974, căn cước công dân số: 087174008534, số sổ bảo hiểm xã hội: 7415011981: Từ tháng 4/2015 đến tháng 01/2023 tại **Công ty TNHH H1**.

Bảo hiểm xã hội **huyện T, tỉnh Đồng Tháp** cung cấp: Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của bà **Đỗ Thị Kim C**, sinh năm: 1974, căn cước công dân số: 087174008534 cấp ngày 20/8/2021, mã số bảo hiểm xã hội: 8716016007: Từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2023 (trong đó tháng 12/2021 và từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022 không tham gia).

[3.3] Xét, việc bà **Đỗ Thị Kim Á** sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của em ruột là **Đỗ Thị Kim C** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH H1** là hành vi lừa dối về mặt chủ thể, vi phạm nguyên tắc trung thực khi xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình trong quan hệ lao động. Do đó việc bà **Đỗ Thị Kim C** yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà **Đỗ Thị Kim C** (tên do bà **Đỗ Thị Kim Á** mượn khi ký kết hợp đồng) với **Công ty TNHH H1** là có căn cứ theo quy định tại Điều 4, Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh, cập nhật thông tin và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 4, Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 32, Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đỗ Thị Kim C** đối với bị đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1** về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Tuyên bố các hợp đồng lao động giữa bà **Đỗ Thị Kim C** và **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1** từ năm 2015 đến năm 2023 là vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà **Đỗ Thị Kim C** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân